TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**158**/2018/DS-PT
Ngày: 10/10/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tấn

Ông Võ Minh Triều

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Kháng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* ông Phan Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2018, về "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hbị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 154/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Trần Thị S, sinh năm 1968. (Có mặt)

Địa chỉ: số 2, tổ 3, ấp Thạnh T, xã Thạnh Đ, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:*

1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1960. (Có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1959. (Vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Chí H, sinh năm 1995. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số nhà 3, tổ 5, ấp Thạnh T, xã Thạnh Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Đ, anh H: bà Lê Thị T, sinh năm 1960 (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2018).

- *Người kháng cáo*: bà Lê Thị T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Trần Thị S trình bày:* vào ngày 21/3/2017, Vợ chồng bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn Đ và con Nguyễn Chí H có nhờ bà S vay tiền để đáo hạn Ngân hàng với tổng số tiền là 550.000.000đ, vay hai lần, lần đầu là 400.000.000đ, cách 3 ngày sau thì vay thêm 150.000.000đ , hai bên thỏa thuận tiền lãi là 2.500đ/ngày/1.000.000đ và thỏa thuận bà T, ông Đ, anh H sau khi trả nợ Ngân hàng xong sẽ vay tiền trả lại cho bà S, khi vay tiền có làm biên nhận nhưng cán bộ phụ nữ ở ấp giữ biên nhận. Đến ngày 06/6/2017 bà T, ông Đ và anh H có ký vào tờ cam kết trả nợ với nội dung có mượn của bà S số tiền là 550.000.000đ và hứa khi vay được tiền từ Ngân hàng thì sẽ trả tiền cho bà S, một thời gian sau khi bà T, ông Đ và anh H không trả tiền thì hai bên có thỏa thuận lãi suất là 1,26%/tháng. Sau khi vay tiền thì bà T, ông Đ, anh H có đóng lãi cho bà S tính đến ngày 04/12/2017 được số tiền là 80.000.000đ trong đó có 23 ngày là tính lãi ngày và 8 tháng là tính lãi tháng 1,26%/tháng, khi đóng lãi thì không có làm giấy tờ gì. Ngày 04/12/2017 do bà T cho rằng chưa vay được tiền Ngân hàng nên giữa bà S và bà T có làm Tờ hợp đồng tự khắc phục hậu quả kinh tế với nội dung 6 tháng bà T đóng lãi cho bà S một lần theo lãi suất Ngân hàng, khi nào có tiền sẽ trả nợ gốc. Sau này khi bà S biết bà T đã sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H và đã vay được tiền của Ngân hàng thì bà S có đến nhà của vợ chồng bà T và anh H đòi tiền nhiều lần nhưng anh H và vợ chồng bà T không trả tiền cho bà S.

Tại phiên tòa bà S yêu cầu vợ chồng bà T và anh H trả cho bà S số tiền gốc là 550.000.000đ, yêu cầu trả đủ một lần, phần tiền lãi theo thỏa thuận tính từ khi vay đến ngày 04/12/2017 là 83.785.000đ nhưng bà T, ông Đ và anh H đã trả cho bà S được 80.000.000 đồng, bà S không yêu cầu trả thêm và chỉ yêu cầu tính lãi 1,26%/tháng từ ngày 04/12/2017 cho đến ngày xét xử vụ án.

- *Bị đơn bà Lê Thị T trình bày:* nguyên trước đây bà T cùng chồng là ông Nguyễn Văn Đ và con là Nguyễn Chí H có hỏi vay của bà Trần Thị S số tiền là 550.000.000đ, vay làm hai lần, lần đầu là 400.000.000đ, lần sau là 150.000.000đ để đáo hạn Ngân hàng. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 2.500đ/1.000.000đ/ngày, và thỏa thuận khi vay tiền Ngân hàng lại được thì sẽ trả số tiền trên cho bà S. Do không vay được tiền Ngân hàng nên hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,26%/tháng. Tính đến ngày 04/12/2017 bà T có đóng lãi cho bà S được 23 ngày và 8 tháng tiền lãi tháng với tổng số tiền là 80.000.000đồng, khi đóng lãi thì không có làm giấy tờ gì. Sau đó hai bên có làm tờ hợp đồng tự khắc phục hậu quả kinh tế vào ngày 04/12/2017 với nội dung nếu có tiền thì bà T sẽ trả toàn bộ nợ gốc còn nếu chưa có tiền trả nợ gốc thì cứ 6 tháng bà T tiếp tục đóng lãi cho bà S theo lãi suất Ngân hàng, trong tờ hợp đồng này thì chỉ có bà T và bà S ký tên. Bà T thừa nhận chữ viết họ tên và chữ ký trong tờ cam kết ngày 06/6/2017 là của bà T, ông Đ và anh H, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T đã sang tên cho con là Nguyễn Chí H và hiện nay H đã vay được tiền của Ngân hàng, nhưng tiền vay của Ngân hàng thì bà T đã dùng để trả nợ cho những người khác và để làm ăn nên chưa trả nợ gốc cho bà S.

Nay bà T thừa nhận còn nợ của bà S số tiền gốc là 550.000.000đ, số tiền lãi bà T đã đóng cho bà S đến ngày 04/12/2017 thì bà T không có yêu cầu gì, do hoàn

cảnh gia đình khó khăn bà T xin đóng lãi 6 tháng đóng một lần theo lãi suất Ngân hàng, khi nào có tiền thì bà T trả số tiền gốc, có bao nhiêu thì bà T trả số tiền gốc bấy nhiêu.

** Tại bản án sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hđã quyết định:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S.

2. Bác lời khai nại của vợ chồng bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Chí H.

3. Buộc vợ chồng bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Chí H trả cho bà Trần Thị S tổng cộng số tiền gốc và lãi là 589.501.000đồng (*Năm trăm tám mươi chín triệu năm trăm lẻ một nghìn đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 06/6/2018 bà Lê Thị T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hvới nội dung: xin trả dần (cứ 06 tháng trả nợ gốc 20.000.000đồng) và đóng lãi theo lãi suất Ngân hàng là 0,65%/tháng cho đến khi hết nợ; xin miễn, giảm số tiền án phí 27.580.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Nguyên đơn bà Trần Thị S không đồng ý với nội dung kháng cáo của bà Lê Thị T, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ Đ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Lê Thị T và sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H về phần án phí.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Chí H vắng mặt, nhưng có giấy ủy quyền cho bà Lê Thị T tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Lê Thị T. Hội đồng xét xử xét đối với yêu cầu xin được trả nợ dần của bị đơn bà Lê Thị T, yêu cầu 06 tháng trả nợ gốc 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tại phiên tòa, bà Trần Thị S không đồng ý theo yêu cầu xin được trả nợ dần của bà T. Do đó, không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T về phần này.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị T yêu cầu tính lãi theo lãi suất Ngân hàng là 0,65%/tháng. Hội đồng xét xử xét theo hợp đồng tự khắc phục hậu quả kinh tế (Bút lục số 14), biên bản lấy lời khai (Bút lục số 16, 22) và Biên bản hòa giải (Bút lục số 25, 26) và tại phiên Tòa bà Lê Thị T đều thừa nhận có thỏa thuận vay tiền giữa bà S với bà T, ông Đ và anh H với lãi suất là 1,26%/tháng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLTTDS năm 2015 thì "*Lãi suất vay do các bên thoả thuận. Trường hợp các bên có thoả thuận về lãi suất thì lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...*" theo thỏa thuận vay tiền giữa bà S với bà T, ông Đ và anh H thỏa thuận lãi suất là 1,26%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu tính lãi theo lãi suất Ngân hàng 0,65%/tháng của bà Lê Thị T là không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu xin miễn, giảm tiền án phí dân sự sơ thẩm 27.580.000 đồng. Hội đồng xét xử xét tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bà Lê Thị T có đơn xin miễn, giảm tiền án phí và được chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh gia đình bà T đang gặp khó khăn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được giảm án phí của bà Lê Thị T.

Từ những cơ sở nhận định nêu trên, trong T luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất: chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Lê Thị T, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí, giảm 50% mức án phí dân sự sơ thẩm mà bà Lê Thị T phải nộp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm nên bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 147, 148, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Lê Thị T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang về phần án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S.

2. Bác lời khai nại của vợ chồng bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Chí H.

3. Buộc vợ chồng bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Chí H trả cho bà Trần Thị S tổng cộng số tiền gốc và lãi là 589.501.000 đồng (*Năm trăm tám mươi chín triệu năm trăm lẻ một nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ thi hành chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Hoàn trả cho bà Trần Thị S số tiền tạm ứng án phí 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007826 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

+ Buộc vợ chồng bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Chí H phải nộp 13.790.000 đồng (*Mười ba triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*).

- Án phí dân sự phúc thẩm: bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà Lê Thị T tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005076 ngày 07/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện H;
- THA dân sự huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Sơn